

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

Dự án Hồ Bản Mòng giai đoạn 2 (hệ thống kênh mương), tỉnh Nghệ An

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và các Luật có liên quan khác;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: Số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị Quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 14/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hồ Bản Mòng giai đoạn 2 (Hệ thống kênh mương), tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 3237/QĐ-BTNMT ngày 07/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án;

Căn cứ Văn bản số 1185/BNN-XD ngày 18/02/2025 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc điều chuyển 03 tổ máy bơm từ dự án Hồ chứa nước Bản Mòng giai đoạn 1 sang dự án Hồ Bản Mòng giai đoạn 2 (Hệ thống kênh mương), tỉnh Nghệ An;

Căn cứ các Văn bản của UBND tỉnh Nghệ An: số 10041/UBND-NN ngày 22/12/2021, số 4613/UBND-NN ngày 26/5/2025 về việc ý kiến về dự án Hồ Bản Mòng giai đoạn 2 (Hệ thống kênh mương), tỉnh Nghệ An;

Xét Tờ trình số 237/TTr-BQLĐT-QLTC-KHĐT ngày 20/6/2025 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4 trình thẩm định, phê duyệt dự án Hồ Bản Mòng giai đoạn 2 (Hệ thống kênh mương), tỉnh Nghệ An kèm theo hồ sơ thiết kế,

thẩm tra;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi tại Báo cáo thẩm định số 1039/BC-TL-TĐ ngày 26/6/2025 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Hồ Bản Mòng giai đoạn 2 (Hệ thống kênh mương), tỉnh Nghệ An với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Hồ Bản Mòng giai đoạn 2 (Hệ thống kênh mương), tỉnh Nghệ An.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Tam Hợp, xã Minh Hợp, xã Nghĩa Hưng, xã Nghĩa Mai, phường Thái Hoà, phường Tây Hiếu, tỉnh Nghệ An.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Chủ đầu tư:

- Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4 làm chủ đầu tư phân xây dựng kênh chính Nam, kênh chính Bắc và kênh chính Tây; tổ chức lựa chọn nhà thầu, quản lý các hợp đồng tư vấn (khảo sát, thiết kế BVTC, thẩm tra) và tổ chức thực hiện công tác khảo sát, lập thiết kế BVTC-DT toàn Dự án;

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An làm chủ đầu tư phân xây dựng kênh chính Đông, kênh chính Nam B, Hệ thống kênh cấp 1 và công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư toàn Dự án.

5. Tổ chức tư vấn:

- Khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn và Xây dựng thủy lợi Nghệ An.

- Lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Đoàn Quy hoạch Nông nghiệp và Thủy lợi Nghệ An.

6. Loại, nhóm dự án, cấp công trình chính và tần suất thiết kế

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng mới.

- Nhóm dự án: Dự án đầu tư nhóm A.

- Loại công trình: Công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Cấp công trình và tần suất thiết kế:

+ Cấp công trình xây dựng phục vụ thiết kế xây dựng: Kênh chính Nam: Cấp II; Kênh chính Đông, chính Nam B: Cấp III; Kênh chính Bắc, chính Tây và Hệ thống kênh cấp 1: cấp IV.

+ Cấp công trình xây dựng chính phục vụ quản lý hoạt động đầu tư xây dựng: Cấp II.

- Tần suất thiết kế: Tần suất đảm bảo cấp nước tưới $P=85\%$; Tần suất đảm bảo cấp nước sinh hoạt, chăn nuôi $P=95\%$; Tần suất đảm bảo cấp nước công nghiệp $P=90\%$; tần suất dẫn dòng thi công 10% ; tần suất lũ thiết kế (Cấp II: $P=1,0\%$; cấp III: $P=1,5\%$; cấp IV: $P=2,0\%$); tần suất lũ kiểm tra (Cấp II: $P=0,2\%$; cấp III: $P=0,5\%$; cấp IV: $P=1,0\%$).

7. Mục tiêu, nhiệm vụ:

a) Mục tiêu dự án:

Khai thác hiệu quả nguồn nước của hồ chứa nước Bản Mòng đã được đầu tư xây dựng để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và các nhu cầu dùng nước khác thuộc vùng dự án.

b) Nhiệm vụ dự án:

Xây dựng hệ thống kênh lấy nước từ hồ chứa nước Bản Mòng để cấp nước tưới cho khoảng 10.130 ha đất nông nghiệp ven sông Hiếu; cấp nước cho công nghiệp, dân sinh, chăn nuôi và các nhu cầu dùng nước khác trong vùng dự án; góp phần phát triển kinh tế - xã hội và ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

a) Biện pháp công trình: Xây dựng mới hệ thống kênh kết hợp với đường ống để dẫn nước từ cụm công trình đầu mối hồ chứa nước Bản Mòng về khu hưởng lợi.

b) Quy mô và giải pháp kỹ thuật: (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

- Lắp đặt 02 tổ máy bơm chìm tại vị trí trong thân đập bê tông, lưu lượng thiết kế 01 máy $10.600 \text{ m}^3/\text{h}$ để hoạt động khi mực nước hồ Bản Mòng từ +71,0m đến mực nước chết +65,0m.

- Xây dựng hệ thống kênh:

+ Hệ thống Kênh chính, gồm: 05 tuyến, tổng chiều dài 50,38km và các công trình trên kênh, cụ thể:

++ Kênh chính Nam: Lấy nước trực tiếp sau buồng van Côn công dưới đập, dài 24,19km, lưu lượng thiết kế đầu kênh $Q_{tk}=7,05 \text{ m}^3/\text{s}$. Hình thức và kết cấu: Kênh mặt cắt hình thang gia cố bằng BTCT, kênh hộp kết cấu BTCT kết hợp đường ống thép, cốt sợi thủy tinh, HDPE.

++ Kênh chính Bắc: Lấy nước tại K0+509 trên kênh chính Nam, chiều dài $L=3,76 \text{ km}$, lưu lượng thiết kế đầu kênh $Q_{tk} = 0,44 \text{ m}^3/\text{s}$. Hình thức và kết cấu: kênh mặt cắt chữ U kết cấu BTCT, đường ống đường ống thép, cốt sợi thủy tinh, HDPE;

++ Kênh chính Tây: Lấy nước tại K6+603 trên kênh chính Nam, dài

$L=2,84\text{km}$, lưu lượng thiết kế đầu kênh $Q_{tk} = 0,68\text{m}^3/\text{s}$. Hình thức và kết cấu: kênh mặt cắt hình hộp, chữ U kết cấu bê tông cốt thép;

++ Kênh chính Đông: Lấy nước tại K12+435 trên kênh chính Nam, dài $L=13,91\text{km}$, lưu lượng thiết kế đầu kênh $Q_{tk} = 2,96\text{m}^3/\text{s}$. Hình thức và kết cấu: kênh mặt cắt hình hộp, chữ U kết cấu bê tông cốt thép; kết hợp đường ống thép và cốt sợi thủy tinh;

++ Kênh chính Nam B: Lấy nước tại K12+159 trên kênh chính Nam, dài $L=5,68\text{km}$, lưu lượng thiết kế đầu kênh $Q_{tk} = 1,03\text{m}^3/\text{s}$. Hình thức và kết cấu: kênh mặt cắt chữ U kết cấu bê tông cốt thép kết hợp đường ống thép.

+ Hệ thống kênh cấp 1: gồm 35 tuyến với tổng chiều dài $53,54\text{km}$. Hình thức và kết cấu: Mặt cắt kênh chữ U kết hợp đường ống. Kết cấu kênh bê tông cốt thép; kết cấu đường ống sử dụng ống HDPE, cốt sợi thủy tinh.

+ Công trình trên kênh, gồm: Cống lấy nước, cống tiêu, cống qua đường, cống điều tiết, cầu máng, xiphong, hố van xả khí, hố van xả cặn, bậc nước, tràn qua kênh, đường tràn. Tổng số 1314 cái, trong đó: hệ thống kênh chính: 626 cái; hệ thống kênh cấp 1: 688 cái.

c) Hệ thống thiết bị cơ khí, gồm: Lưới chắn rác, cửa van phẳng, van điều tiết trên đường ống, van xả cặn, van xả khí,...

d) Công trình phục vụ thi công, quản lý vận hành:

+ Nhà quản lý hệ thống kênh: Khuôn viên rộng tích 225m^2 , nhà quản lý cấp 4, diện tích 75m^2 .

+ Hệ thống thiết bị quan trắc và vận hành hệ thống kênh: Bố trí các thước đo mực nước tại đầu các kênh chính, kênh cấp 1 và hệ thống điều khiển tự động SCADA ở các vị trí điều tiết vào đầu các kênh chính, trạm giám sát độ mở, mực nước các cống lấy nước.

+ Hệ thống cấp điện phục vụ quản lý: Xây dựng mới 01 trạm biến áp $75\text{kVA}-10(35)\text{kV}/0,4\text{kV}$ tại khu quản lý vận hành, tuyến đường dây trung thế $10(35)\text{kV}$ dài khoảng 900m để cấp điện cho khu vực nhà quản lý và điều khiển các cửa van.

- Hệ thống đường thi công kết hợp quản lý vận hành kênh:

+ Hệ thống kênh chính: Sử dụng bờ kênh rộng $(4\div 5)\text{m}$ kết hợp đường thi công và quản lý vận hành theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn, mặt đường rộng $(3,0\div 3,5)\text{m}$ kết cấu bằng bê tông mác 250 dày $(16\div 18)\text{cm}$ và đá dăm cấp phối dày 15cm . Tổng chiều dài $48,55\text{km}$.

+ Hệ thống kênh cấp 1: Sử dụng bờ kênh rộng $0,8\text{m}$ và đắp hoàn trả móng để làm đường quản lý. Chiều dài $53,53\text{km}$, kết cấu đất cấp phối dày 15cm .

- Các tuyến đường phục vụ thi công: Đường GTNT cấp B (theo TCVN 10380:2014) gồm 22 tuyến, tổng chiều dài $L=23.130,0m$, chiều rộng nền đường $B=(4\div 5)m$, mặt đường rộng $(3,0\div 3,5)m$; kết cấu bằng cấp phối đá dăm dày 15cm (9 tuyến) và hoàn trả đường theo hiện trạng (13 tuyến).

đ) Tổ chức xây dựng và công trình phục vụ thi công:

Biện pháp thi công xi phong qua sông Hiếu thuộc kênh chính Đông bằng phương án hạ chìm và xi phong qua sông Dinh thuộc kênh chính Nam và Nam B bằng phương án thi công trong hố móng cạn.

e) Vật liệu xây dựng: Cát, đá, xi măng, sắt thép,... tại các mỏ vật liệu và các nhà cung cấp khu vực; tận dụng đất đào công trình để đắp.

9. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 113,25ha.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:

- Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (Thiết kế cơ sở; thiết kế bản vẽ thi công).
- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng: *(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).*

11. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư: **1.849.000.000.000** đồng.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	294.566.554.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	1.162.850.429.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	48.408.973.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	11.485.241.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	76.004.723.000 đồng
- Chi phí khác:	29.525.953.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	226.158.127.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

12. Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành năm 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

Vốn NSTW do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý: 1.849 tỷ đồng, trong đó: Dự kiến bố trí trong giai đoạn 2021÷2025 là 868,00 tỷ đồng, còn lại bố trí trong giai đoạn 2026÷2030.

Quá trình thực hiện, Bộ sẽ tổng hợp nguồn vốn bố trí cho Dự án trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 phù hợp với tiến độ dự án.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án chuyên ngành trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết hợp hình thức Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An quản lý.

15. Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Phạm vi giải phóng mặt bằng, gồm: Mặt bằng xây dựng hệ thống kênh, đường thi công, khu phụ trợ, bãi vật liệu,..., tổng cộng khoảng 113,25ha.

Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cụ thể như sau:

- Diện tích từng loại đất dự kiến thu hồi: Đất lúa 10,26ha; đất lâm nghiệp rừng trồng 13,48ha; đất ở, vườn 12,77ha; đất sản xuất nông nghiệp khác 61,18ha; các loại đất khác 15,57ha.

Dự kiến số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất: Số hộ dân bị ảnh hưởng: 91hộ; không có hộ phải di dời.

- Dự kiến tiến độ và kế hoạch di chuyển, bàn giao mặt bằng cho dự án: Bắt đầu từ Quý IV năm 2025 và theo tiến độ thi công xây dựng.

- Các hạng mục công việc phục vụ tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và các công việc tư vấn, hạng mục khác có liên quan.

16. Những lưu ý giai đoạn sau:

- Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn đảm bảo phù hợp tiêu chuẩn trong giai đoạn thiết kế BVTC và đặc điểm của công trình. Lưu ý cần tận dụng tối đa tài liệu khảo sát của giai đoạn trước theo quy định hiện hành.

- Tiếp tục rà soát tối ưu tuyến, hình thức, kết cấu mặt cắt kênh cho từng đoạn, từng tuyến kênh phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất để so chọn đáp ứng yêu cầu kinh tế - kỹ thuật.

- Tại các khu vực tạo nguồn trên dọc tuyến kênh, xem xét bố trí các bể chứa nước đảm bảo cho các thiết bị lấy nước hoạt động thuận lợi.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá, tính toán kỹ các tuyến kênh cấp dưới hiện có để có phương án sửa chữa, nâng cấp (nếu cần).

- Rà soát số lượng, vị trí các công trình, thiết bị trên đường ống (cống tiêu, cống điều tiết, van xả khí, van xả cạn,...) phù hợp tiêu chuẩn và điều kiện thực tế, đảm bảo an toàn, ổn định và thuận lợi trong quản lý, vận hành.

- Rà soát hoàn thiện hệ thống tiêu, thoát nước mặt, nước ngầm và gia cố mái đào, đắp để chống xói lở, sạt trượt đảm bảo an toàn công trình.

- Khảo sát, đánh giá kỹ khối lượng, chất lượng vật liệu đất đắp từ tận dụng đất đào móng công trình.

- Tiếp tục đánh giá địa chất, rà soát mực nước thi công để lựa chọn giải pháp hạ chìm hoặc thi công trong hố móng cạn và vật liệu đường ống đảm bảo kinh tế, kỹ thuật.

- Thiết kế chi tiết mặt bằng thi công, các tuyến đường thi công, biện pháp thi công đảm bảo an toàn, kinh tế, đáp ứng tiến độ.

- Đối với hạng mục nâng cấp, sửa chữa Hồ Cây Đa, hồ Khe Soi, Hồ Minh Hồng, hồ Minh Thành và kênh cấp dưới kèm theo sẽ tiếp tục xem xét đầu tư trên cơ sở khả năng cân đối vốn của Dự án. Trường hợp không còn vốn, địa phương sẽ có trách nhiệm bố trí ngân sách hoặc huy động nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư.

- Tổ chức lập, phê duyệt Quy trình bảo trì công trình xây dựng theo các quy định tại Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và Bảo trì công trình xây dựng.

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND tỉnh Nghệ An:

- Chỉ đạo các ban ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan thực hiện, cập nhật nhu cầu sử dụng đất của Dự án vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của địa phương đáp ứng yêu cầu tiến độ Dự án (theo đúng cam kết tại Văn bản số 4613/UBND-NN ngày 26/5/2025);

- Chỉ đạo chủ đầu tư và các đơn vị liên quan: (i) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chịu trách nhiệm toàn diện trong tổ chức thực hiện đảm bảo giải phóng mặt bằng theo tiến độ thi công xây dựng công trình; (ii) tổ chức bảo vệ phạm vi mặt bằng công trình đã được giải phóng mặt bằng đến khi công trình bàn giao đưa vào sử dụng (tránh trường hợp tái lấn chiếm); (iii) quyết toán phần kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp quyết toán chung; (iv) Quản lý khu tưới theo đúng quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; (v) trước thời điểm khởi công xây dựng dự án, đề nghị UBND tỉnh có quyết định giao đơn vị quản lý, khai thác nhận bàn giao công trình hoàn thành trên địa bàn tỉnh để quản lý, khai thác theo quy định, đồng thời gửi quyết định phân giao về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp theo dõi.

- Bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư hoàn thiện hệ thống kênh nội đồng theo điểm b, khoản 3 Điều 2 Quyết

định số 84/QĐ-TTg ngày 14/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo các ban ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan trong Tỉnh phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư trong quá trình thi công xây dựng công trình để đảm bảo tiến độ dự án.

2. Chủ đầu tư:

a) Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4:

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chủ đầu tư phần xây dựng kênh chính Nam, kênh chính Bắc và kênh chính Tây, triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành; bàn giao đầy đủ hồ sơ khảo sát, thiết kế và các tài liệu liên quan giai đoạn Báo cáo NCKT cho Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An sau khi Dự án phê duyệt; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An tổng hợp hồ sơ khi trình điều chỉnh dự án đầu tư (nếu có);

Riêng đối với công tác khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công: Tổ chức lựa chọn nhà thầu và quản lý các hợp đồng tư vấn (gồm khảo sát, lập thiết kế BVTC, cắm mốc; thẩm tra toàn bộ dự án) và tổ chức thực hiện công tác khảo sát, lập thiết kế BVTC-DT toàn Dự án; thẩm định, phê duyệt thiết kế BVTC-DT hạng mục kênh chính Nam, kênh chính Bắc và kênh chính Tây sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng; Bàn giao đầy đủ hồ sơ khảo sát, thiết kế và các tài liệu liên quan giai đoạn BVTC-DT cho Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An ngay sau khi hồ sơ có ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng;

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng và Pháp luật về: (i) Triển khai dự án hiệu quả; bền vững, đảm bảo chất lượng, tiến độ và sử dụng vốn tiết kiệm, thiết thực, đúng quy định, tuyệt đối không để thất thoát lãng phí; (ii) Thông tin, số liệu, nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và nội dung tờ trình đảm bảo tính chính xác, trung thực và phù hợp các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An:

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chủ đầu tư phần xây dựng kênh chính Đông, kênh chính Nam B, hệ thống kênh cấp 1 và công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư toàn Dự án, chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành, đáp ứng yêu cầu tiến độ thực hiện dự án;

Riêng đối với công tác khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công hạng mục kênh chính Đông, kênh chính Nam B, hệ thống kênh cấp 1: Tham gia ý kiến trong quá trình Ban 04 chủ trì thực hiện; Tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế BVTC-DT sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng. Trực tiếp trình Bộ, cơ quan chuyên môn về xây dựng xem xét, quyết định các nội dung

công việc điều chỉnh thiết kế trong quá trình thi công.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng và Pháp luật về: Triển khai dự án hiệu quả, bền vững; đảm bảo chất lượng, tiến độ và sử dụng vốn tiết kiệm, thiết thực, đúng quy định, tuyệt đối không để thất thoát lãng phí.

3. Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư và là cơ quan chuyên môn về xây dựng, chịu trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính; Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An; Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An và Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *lzm*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kho bạc NN trung ương;
- Kho bạc NN địa phương;
- Lưu: VT, TL. *lzm*

KT BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Hiệp